

NHÂN VƯƠNG HỘ QUỐC BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA KINH SỐ

QUYỂN THƯỢNG

PHẦN 2

Kinh: Công xảo kỹ nghệ vượt mọi thế gian

Giải thích: Tán thán hành phương tiện. Bồ-tát địa này tu các đế quán (quan sát rõ ràng) làm những công việc thiện xảo nhằm lợi ích hữu tình. Luận Câu xá nói: Tâm khởi làm công việc khéo léo chỉ là nói ý thức. Có hai nơi để thực hiện: Thân hành động công xảo lấy bốn trần. Ngữ thực hiện công xảo lấy năm trần làm thể. Nói “Kỹ nghệ” là nghề nghiệp. “Vượt mọi thế gian” là đều vì dẫn dắt nhiếp phục chúng sanh. Như kinh Hoa nghiêm nói: Bồ-tát địa này vì muốn lợi ích các chúng sanh, nên các nghề nghiệp thế gian đều học tập và thực hành. Đó là các nghề như thông hiểu giỏi về văn tự, toán số (tính toán), vẽ, in ấn, các thứ đàm luận về đất, nước, gió, lửa v.v... thông hiểu và thành thạo nhưng không bị thiện căn của thế gian làm xao động

Thâm nhập duyên sinh, Không vô tướng nguyện

Giải thích: Câu trên nói duyên sinh, câu dưới nói về quán.

“Thâm nhập” là trí chứng.

“Duyên sinh”: Duyên là chúng duyên, sinh là sinh khởi, các pháp hữu vi đều theo duyên sinh.

“Không vô tướng vô nguyện”: là theo duyên mà biện minh quán. Như Kinh Hoa Nghiêm, phẩm Duyên sinh nói: Bồ-tát địa này, quán các duyên khởi. Biết con người là vô ngã, hiểu rõ là không có tự tính, rỗng không, không có người tạo tác, kẻ thọ nhận, đặc môn giải thoát Không. Quán các hữu chi, đều tự tính diệt, tất cánh giải thoát, không có một tí tướng sinh nào, đặc môn giải thoát vô tướng. Cứ như vậy mà nhập Không, vô tướng rồi, không có nguyện cầu, đại bi làm đầu, giáo hóa chúng sanh, đặc môn giải thoát vô nguyện, cho đến Bồ-tát trụ địa Hiện

tiền, đắc nhập trăm ngàn môn Tam muội không, vô tướng, vô nguyện, tức ba môn Tam muội đều hiện tiền.

Tiếp nói địa thứ bảy.

Kinh: Xuất nhập diệt định, thị hiện khó lường.

Giải thích: Tán thán về hạnh tự tại.

Nói “xuất nhập”: là tâm xuất nhập của diệt định.

“Diệt định”: là Bồ-tát này không còn lậu diệt, tâm tịch nhiên không khởi tựa như Niết-bàn. Như luận Du-già nói: người trụ diệt định, thân, ngữ, tâm hành đều diệt.

“Thị hiện khó lường”: là nói về Bồ-tát ấy thị hiện tùy loài, ẩn hiện khó lường. Như Kinh Hoa Nghiêm viết: Bồ-tát địa này, do trí lực Tam muội, dùng đại phương tiện, tuy thị hiện sinh tử mà thường trú Niết-bàn. Tuy bà con thân thích vây quanh mà thường vui với hạnh xa lìa, tuy dùng nguyện lực thọ sinh ở Ba cõi, nhưng không bị nhiễm ô theo thế pháp.

Tiếp nói địa thứ tám.

Kinh: Bể gãy ma oán, song chiếu nhị đế.

Giải thích: Tiếng phạm gọi là Ma-la, tiếng Hoa gọi là hại giả (Kẻ phá hoại).

Làm hại phẩm thiện của người, gọi là Ma oán. Ma có bốn loại. Như Luận Phật Địa quyển một nói: Phiền não, Uẩn, Tử, Thiên ma. Phiền não ma là một trăm hai mươi tám phiền não và tùy phiền não. Uẩn ma là năm thủ uẩn, Tử ma là pháp bên trong của hữu lậu, các tướng vô thường. Thiên ma: là các thiên tử nơi cõi trời Tự Tại thứ sáu thuộc Dục giới. Bốn loại ma đó đều có thể làm tổn hại các pháp thiện. Loại Ma đầu là nhân sinh tử. Thiên ma là duyên sinh tử là quả sinh tử. Do Di thực, sĩ dụng tự nó tương hại.

Nói “Bể gãy (tội phục)” như Luận Trí độ quyển hai mươi lăm nói: Các Bồ-tát đó, đắc đạo Bồ-tát, phá trừ phiền não ma, tức là chơn kiến đạo, phân biệt hai chướng, phá diệt Ma oán. Đắc pháp thân nên có thể phá trừ uẩn ma. Đắc đạo pháp thân, nên phá trừ được Tử ma. Khi ở sơ địa, pháp thân và đạo cũng có thể phá một phần Uẩn ma Tử ma. Lúc tâm ban đầu thành Phật, mới có thể phá trừ vĩnh viễn. Cho nên Luận Phật Địa nói: Do bốn ma ấy mà sinh ra các thứ sợ hãi. Như Lai vĩnh viễn lìa bốn loại ma, nên Tam muội chẳng động có thể phá trừ Thiên ma. Nay địa thứ tám gọi là chẳng động, vừa nhập địa này thì phá diệt Thiên ma, nên nói địa này là chế phục, trừ diệt vĩnh viễn.

“Song chiếu nhị đế”: là nơi cảnh và trí, chơn và tục đều cùng quán

chiếu. Phần sau sẽ nói rõ.

Tiếp nói địa thứ chín.

Kinh: Pháp nhãn thấy khắp, biết căn của chúng sanh, bốn vô ngại giải, diễn nói về vô úy.

Giải thích: “Pháp nhãn thấy khắp”: Pháp là giữ lấy theo phép tắc, thông cả cảnh chơn và tục. Nhãn: là tuệ tịnh chiếu các hữu tình, tùy theo chủng tính, đều biết được.

“Bốn vô ngại giải”: Luận Nhiếp Đại thừa, Bồ-tát vô Tánh giải thích nói: Do pháp vô ngại, tự tại biết rõ tất cả pháp cú. Do nghĩa vô ngại, tự tại thông đạt tất cả nghĩa lý. Do từ vô ngại, tự tại phân biệt tất cả ngôn từ. Do biện biệt vô ngại, hiện bày khắp mười phương, tùy chỗ ứng hợp sâu xa mà tự tại biện thuyết. Chung lấy định, tuệ và pháp tâm tâm sở tương ứng với chúng làm tự tính.

“Diễn thuyết vô úy”: nghĩa là pháp nhãn của Bồ-tát đó có thể thấy căn thượng, trung, hạ. Bốn vô ngại giải theo đúng căn cơ mà diễn thuyết.

Nói “vô úy”: Theo Luận Trí Độ quyển hai mươi bốn nói:

Hỏi: bốn vô sở úy, Bồ-tát có không?

Đáp: Có.

1. Vấn trì vô úy: Các Đà-la-ni, nhớ nghĩ không quên, thuyết pháp trước hội chúng đều không hề sợ hãi; 2. Giải thoát vô úy: Tất cả pháp được, đều có thể phân biệt, biết căn tánh của chúng sanh, tùy chỗ ứng hợp thuyết không hề sợ hãi; 3. Xử chúng vô úy: Có người khắp mười phương, đến vấn nạn nơi ta, ở trong đại chúng, thuyết pháp vô úy; 4. Đáp nạn không sợ hãi: Tất cả mọi người, đến vấn nạn ta, ta đều trả lời đầy đủ có thể đoạn dứt nghi hoặc của họ, ở nơi đại chúng, thuyết pháp không sợ hãi. Do đủ bốn thứ đó mà đạt được tự tại. Như Kinh Hoa Nghiêm quyển ba mươi tám nói: Bồ-tát địa này, đặc trí vô ngại, đặc pháp tạng vi diệu của Như Lai, tác đại pháp sư, do đắc bốn môn Đà-la-ni vô ngại, dùng trăm vạn A-tăng-kỳ âm thanh thiện xảo, mà diễn thuyết các pháp.

Tiếp nói địa thứ mười:

Kinh: Mười lực diệu trí, pháp âm vang động, gần ngôi vị vô đẳng đẳng, Tam muội Kim cang.

Giải thích: Tán thán hạnh mãn túc (đầy đủ).

“Mười lực diệu trí, pháp âm vang động”: là mười lực nơi quả Phật, như xứ và phi xứ v.v.... Bồ-tát nơi địa này, đắc được một phần các pháp kia. Luận Trí độ quyển hai mươi bốn nói:

Hỏi: Phật có mười lực, Bồ-tát có không?

Đáp: Có. 1. Lực của tất cả trí tâm sâu bền vững chắc; 2. Lực đầy đủ đại từ, do không xả bỏ chúng sanh; 3. Lực đầy đủ đại bi, do không cần tất cả cung kính cúng dường; 4. Lực tinh tấn: siêng cầu tất cả pháp Phật, tâm không nhàm chán; 5. Lực thiền định: Tuệ hành nhất tâm, oai nghi không hoại; 6. Lực đầy đủ trí tuệ: Đoạn dứt tất cả phân biệt suy tưởng, hý luận; 7. Lực không chán ghét sinh tử vì thành tựu hết thấy chúng sanh; 8. Lực của pháp nhẫn vô sanh: Do quán thật tướng của tất cả pháp; 9. Lực Giải thoát: nhập nơi giải thoát không, vô tướng vô tác; 10. Lực đầy đủ trí vô ngại: pháp sâu xa tự tại, biết rõ những tâm hành đầy khởi của các chúng sanh. Mười lực ấy ở trong địa thứ mười, mỗi lực tùy theo mỗi địa mà tăng nên có ba đức khác nhau: Lực thiền định, Lực trí tuệ, Lực vô sinh, Lực giải thoát, bốn lực đó đều là tự lợi. Thâu tóm, tán loạn, đoạn trừ vọng là nhân của Đoạn đức. Chánh quán giải thoát nhân của trí đức. Lực Đại từ, Lực đại bi, Lực không chán sinh tử, Lực trí vô ngại, bốn lực đó là của lợi tha. Ân đức: hai lực từ và bi làm tâm của chủ thể hoá độ, hai lực không chán sinh tử và trí vô ngại là cảnh của đối tượng được hoá độ. Còn lực tinh tiến thì chung cả hai lợi. Nên mười lực này định tuệ làm tính, những quyến thuộc tương ứng đều làm thể. Đủ mười trí lực, diệu ứng hợp căn cơ, diễn thuyết chánh pháp, giống như sấm rền vang. Như kinh Hoa Nghiêm quyển ba mươi chín nói: Bồ-tát nơi địa này, dùng lực tự nguyện, khởi mây đại bi, động sấm đại pháp, minh thông vô úy dùng làm ánh chớp, phước đức trí tuệ làm đám mây dày, hiện nhiều loại thân, biến khắp mười phương, diễn thuyết chánh pháp.

Là bậc đạt Tam muội Kim cang, gần với ngôi vị vô đẳng đẳng. Phật so với Bồ-tát, gọi là vô đẳng, ngang đạo chư Phật, gọi đó là đẳng. Địa thứ mười này, gọi là cận kề với quả. Tam muội Kim cang là định tối thắng sau cùng. Thắng dụng kiên cố là định Kim cang, nên một chữ “cận” chung cả dụng và định.

Mười đoạn trên đây là tán thán riêng về địa thứ mười. Lại nữa, địa sau, tất có đủ đức của địa trước nên trên đây là tán thán chung, cũng không trái nhau. Sau đây là phần ba, kết tán thành tựu, nghĩa đó thế nào?

Kinh: Công đức như vậy, thấy đều đã đầy đủ.

Giải thích: Bồ-tát có đủ các công đức kể trên.

Dưới đây là phần bốn - Các Thánh chúng tại gia, nghĩa ấy là thế nào?

Kinh: Lại có vô lượng chúng Ưu-bà-tắc, chúng Ưu-bà-di, đều kiến Thánh đế.

Giải thích: Kinh cũ thì căn cứ theo người, chia làm hai chúng. Đây đều là cận sự, nên kinh hợp chung làm một.

Nói “vô lượng” là con số rất nhiều.

“Chúng Ưu-bà-tắc, chúng Ưu-bà-di” là nói về từng loại. Đây thuận theo cổ dịch, có phần và lược. Ngài Tam Tạng Từ Ân dịch các kinh đều viết: Ô-ba-tư-ca, Ô-ba-sách-ca. Ô-ba tiếng Phạm nghĩa là Cận, ca nghĩa là sự. Sách nghĩa là nam, Tư nghĩa là nữ. Luận Thuận Chánh Lý quyển ba mươi bảy nói. Dựa vào nghĩa gì gọi là Ô-ba-sách-ca, Ô-ba-tư-ca? nghĩa là người nam, người nữ kia, trước tiên quy y Tam bảo, thân cận phụng sự bậc Thầy mà mình tôn kính và hộ trì Thi-la. Hoặc thường thực tập gần gũi. Như lý, hoại bỏ ác nghiệp. Hoặc thường gần gũi phụng sự Phật làm thầy, một phần đồng với Phật là được tịnh giới, Ý thiện lạc trụ. Tịnh giới là năm giới của tại gia: Ba giới bảo hộ thân nghiệp, một giới bảo hộ ngữ nghiệp, và một giới thông chung ba nghiệp. Bốn giới trước là tánh giới, một giới sau là Giá giới. Đều lấy biểu, vô biểu làm thể. Tông hữu bộ cho Biểu nghiệp là thân nghiệp, nơi sắc pháp xứ vô kiến, vô đối. Luận Thành Thật cho biểu nghiệp là thân ngữ còn vô biểu tức hạnh không tương ứng, phi sắc tâm. Đại thừa cho biểu nghiệp chính là Tư, còn vô biểu là giả lập dựa theo tư thù thắng không phải thật sự thuộc về pháp xứ. Do đủ giới đức có thể thân cận, thừa sự Tỳ khưu, Tỳ khưu ni, vì vậy mà dịch nghĩa là cận sự nam, cận sự nữ.

“Đều kiến Thánh đế”: là tán thán về Thánh đức, nói rõ tại gia đều chứng đế. Thể của kiến tức là tịnh Tuệ vô lậu. Thánh đế tức là bốn đế như khổ v.v... Từ thiện căn thể đệ nhất, không gián đoạn, tức duyên với, cảnh của khổ Thánh đế, nơi Dục giới sinh pháp vô lậu, gọi là khổ pháp trí nhãn. Như vậy cho đến niệ m thứ mười lăm là đạo loại trí nhãn đều gọi là Kiến đế.

Vị này đoạn trừ thế nào? Luận Phật địa quyển một nói: Đã đoạn được một trăm mười hai loại phiền não của kiến đạo gọi là Sở quả. Thật ra Vô học cũng đều là kiến đế. Nay dựa vào kiến ban đầu gọi chung là kiến đế. Hỏi: Kinh nói kiến đế chỉ là nói chung, lý thật tại gia đắc được quả gì?

Đáp: tại gia đắc được ba quả đầu, còn quả A-la-hán chỉ hàng xuất gia. Giả như chứng quả thứ hai, sinh nơi biên địa không có Phật pháp, thì khi chứng quả A-la-hán, râu tóc tự rụng, thành tướng Sa môn. (Như

luận Ba-sa nói) Kinh này trước đã nêu rõ chúng vô học, sau nói chúng cận sự chỉ nói kiến đế tức không có lý ngăn chặn, không chứa ba quả đầu. Sao biết như vậy? Như phần tiếp theo của kinh này nói: Liền hỏi các Ưu-bà-tắc Bảo cái, Vô cấu xứng... những cư sĩ này còn là chúng Đại Bồ-tát ứng hiện, huống là ba quả đầu mà không chứng được ư.

Kinh: Lại có vô lượng tu hạnh bảy hiền

Giải thích: “Vô lượng” là rất nhiều

“Tu hạnh bảy hiền”: tu, nghĩa là tiến tu. Hiền nghĩa là hiền thiện, hiền hòa. Có bảy ngôi vị Hiền nên gọi là bảy Hiền.

Kinh: Niệm xứ, chánh cần, thần túc, căn, lực, tám thắng xứ, mười biến xứ.

Giải thích: Như luận Chánh lý đã nêu là thuộc về bảy Hiền.

“Niệm xứ” là bốn niệm xứ, thân thọ tâm pháp, dùng tuệ làm tính thâm tóm cả phần chung riêng là nghiệp vị thứ nhất.

“Chánh cần” siêng năng đoạn hai ác, siêng tu hai thiện, lấy tinh tiến làm tính, là Noãn vị tăng.

“Thần túc” là Dục, cần, tâm, quán, lấy định làm tính, là Đảnh vị tăng.

“Căn” là năm căn, nhãn ắt không thối chuyển là nhãn vị tăng.

“Lực” là năm lực tức Thế đệ nhất pháp. Hoặc không thể khuất phục, là lực tăng thắng.

Những niệm trụ đó, có đủ tính năm uẩn, không có giác đạo chi, vì là vô lậu.

Tám Thắng xứ: Như nơi luận Chánh lý đã nêu rõ.

Mười Biến xứ: Là quán đủ khắp về bốn đại địa thủy hỏa phong, bốn sắc xanh vàng đỏ trắng cùng hai vô biên xứ là Không, Thức.

Kinh: Mười sáu tâm hành, hướng đến hiện quán đế.

Giải thích: “Mười sáu tâm hành” theo luận Chánh lý, là từ Noãn pháp tu bốn Thánh đế, với mỗi một đế có bốn hành tướng, bốn đế có mười sáu hành tướng khổ đế có bốn hành tướng: vô thường, khổ, không, vô ngã, Tập đế có bốn: Nhân, tập, sanh, duyên. Diệt đế có bốn: Diệt Tĩnh, Diệt, Ly. Đạo đế có bốn: Đạo, Như, hành, Xuất. Kiến duyên với tướng gọi là tâm hành, đều lấy tuệ làm thể, đầy đủ năm uẩn.

“Hướng đến hiện quán đế”. Hướng đến nghĩa là chủ thể hướng tới, tức là mười sáu hành. Hiện-quán-đế là đối tượng được hướng tới, cho nên sau Thế đệ nhất, gọi là Hiện-quán-đế. Như luận Câu-xá nói: Hiện-quán-đế có ba loại: 1. Kiến-hiện-quán: Duy chỉ tuệ vô lậu kiến đế phần, gọi là Kiến-hiện-quán; 2. Duyên-hiện-quán: Tuệ vô lậu đó

và tuệ tương ứng với tâm, tâm sở pháp, cùng một đối tượng duyên, gọi là Duyên-hiện-quán; 3. Sự-hiện-quán: nghĩa là chỗ tương ứng trước và đạo cùng ngang nhau, cùng một sự nghiệp, gọi là Sự-hiện-quán.

Kinh: Lại có mười sáu đại Quốc vương, như vua Ba-tư-nặc... cùng với ngàn vạn quyến thuộc đều hội đủ.

Giải thích: Tên mười sáu nước, sẽ liệt kê ở phần sau, các Quốc vương đó cùng đến dự hội. Dưới đây là phần thứ bảy, nêu chúng chư Thiên nơi sáu cõi trời thuộc Dục giới:

Kinh: Lại có các Thiên vương nơi sáu cõi trời thuộc Dục giới như Thích Đề Hoàn nhân.... cùng với quyến thuộc, vô lượng thiên tử đều hội đủ.

Giải thích: “Thiên vương nơi sáu cõi trời thuộc Dục giới” là nêu về loại. Dục: nghĩa là Dục giới, dâm và sự ăn uống dẫn đến tham. Ở trong Dục giới có sáu cõi trời như luận Thuận Chánh lý, quyển ba mươi một nói: 1. Trời Tứ đại vương chúng ở núi Diệu cao tại tầng cấp thứ tư. Nghĩa là những thiên chúng ấy phụng sự bốn đại vương, do bốn đại vương đó lãnh đạo; 2. Trời Tam thập tam (Đao lợi): trú ở đỉnh núi Diệu cao. nghĩa là cõi trời đó là chỗ ở của chư Thiên ba mươi ba bộ; 3. Trời Dạ-ma-thiên: nghĩa là cõi trời đó thường thường hay nói “vui sướng thay!”; 4. Trời Đổ-sử-đa (Đâu suất): nghĩa là cõi trời đó, với những thứ mình nhận được đều sinh tâm vui đủ. 5. Trời Lạc-biến-hóa: Cõi trời ấy, vui thích hóa cảnh dục, ở đó thọ lạc. 6. Trời Tha-hóa-tự-tại: Cõi trời này, tự tại thọ nhận sự vui thú trong cảnh diệu dục do kẻ khác hóa ra.

Các thiên vương đó đều đến dự hội.

“Thích Đề Hoàn Nhân...” là Thiên chủ của cõi trời Tam thập tam. Tiếng Phạm gọi là Thích-ca-đề-bà-nhân-đạt-la. Thích ca là họ, tiếng Hoa dịch là Năng. Đề bà là Thiên. Nhân Đạt La, dịch là đế. Ở đây chính dịch là Năng thiên đế. Nay kinh này nói là “Thích Đề Hoàn Nhân” là tiếng Phạm phát âm bị lệch. Như các kinh khác gọi là “Thiên đế Thích” là nói đảo lại mà thôi. Thời quá khứ xưa kia có tên là Kiều thi ca, tiếng Hoa gọi là U Nhi, còn có tên là A-ma-yết-đà, tiếng Hoa dịch là vô độc hại, tức là nước Ma-yết-đà. Thời quá khứ Đế Thích tu nhân ở nước đó nên dùng làm tên nước. Nước đó tên gọi cũ là nơi đặt Cam lồ. Như Trí luận nói: kiếp sơ, Đế Thích và A-tu-la dùng núi làm mũi đục, đục biển sữa đạt được Cam lồ, đặt ở vùng đất đó, nhân vậy dùng làm tên gọi. Đế Thích xưa kia có ba mươi hai người làm đồng bạn có pháp thiện. Thiên nhân viên sinh, Thiên nhân hoan hỷ, Thiên nhân thuyết chi phu nhân, cùng tu thắng nghiệp, cho nên sinh trong cõi trời có Thiện pháp

đường, cây Viên sanh, vườn Hoan hỷ và nữ A-tu-la là phu nhân thiết chi. Những nhân duyên này như nhiều nơi khác đã nói, nên nêu Đế Thích và năm Thiên chủ khác.

“Cùng với quyến thuộc”: Là nói về các thiên chúng cùng theo với Thiên chủ đến, nên nói là vô lượng.

Dưới đây là phần tám - Các thiên chúng nơi Sắc giới:

Kinh: Bốn tĩnh lự nơi cõi Sắc, các Đại Phạm vương, cũng cùng với quyến thuộc, vô lượng Thiên tử, đều hội đủ.

Giải thích: “Bốn tĩnh lự nơi cõi Sắc”: là nêu về loại. Sắc: là Sắc giới. Trong địa định của cõi Sắc. Tĩnh lự có bốn: Tĩnh là tịch tĩnh. Lự là duyên lự, suy tư chuyên một cảnh, gọi là Tĩnh lự. Luận Thuận chánh lý, quyển hai mươi mốt nói: Thiên xứ của Tĩnh lự thứ nhất có ba: 1. Trời Phạm chúng: do Đại phạm hiện có, hóa hiện và thống lãnh, gọi là Phạm chúng; 2. Trời Phạm phụ: Những thị vệ xếp hàng trước sau Đại phạm, gọi là Phạm phụ; 3. Trời Đại phạm: Được sinh ra do nhiều sự thiện, nên gọi là Phạm. Phạm này lớn, nên gọi là đại, do đã đắc định trung gian, mà được sinh ra đầu tiên và chết cuối cùng, oai đức đều thù thắng nên gọi là đại.

Thiên xứ của Tĩnh lự thứ hai có ba: 1. Trời Thiếu quang: Vì trong cõi trời đó, ánh sáng ít nhất; 2. Trời vô lượng quang: Ánh sáng chuyển tăng, rất khó lường; 3. Trời Cực quang tịnh: Tịnh quang chiếu khắp tự địa xứ.

Thiên xứ của Tĩnh lự thứ ba có ba: 1. Trời Thiếu tịnh: ý địa thọ lạc, gọi là tịnh, vì tịnh này kém nhất ở trong tự địa; 2. Trời Vô lượng tịnh: Tịnh này chuyển tăng, lượng rất khó lường. 3. Trời Biến tịnh: Tịnh này hiện bày đủ khắp, nên gọi là Biến tịnh. Ý hiển rõ, không có lạc nào vui hơn.

Thiên xứ của Tĩnh lự thứ tư có chín: 1. Trời Vô vân: ở dưới bầu trời, nơi trụ của cõi trời, như mây dày đặc, nên gọi là vân. Các cõi trời ở trên ấy không có vùng mây trụ ở tại chỗ không có mây, nên gọi là vô vân; 2. Trời Phúc sinh: phải là hàng đệ sanh (phàm phu) có thắng phước mới có thể vãng sinh đến cõi đó; 3. Trời Quảng quả: ở trong chỗ quả của hàng đệ sinh, đây là nơi tối thắng; 4. Trời Vô tưởng: khi tu gia hạnh, rất ghét nơi tưởng, lấy tưởng diệt làm chính, nên gọi là Trời vô tưởng. Từ đây trở lên năm cõi trời, gọi là Ngũ tịnh cư. Các Thánh lìa dục, dùng nước Thánh đạo, rửa sạch mọi cấu uế của phiền não, nên gọi là tịnh. Chỗ ở của thân tịnh, gọi là tịnh cư. Gồm: 1. Trời Vô phần: Phần là phần tạp, còn gọi là phần quảng (nhiều, rộng). Trong chỗ không có

phồn tạp, đây là tối sơ. Trong cõi trời phồn quang, đây là kém nhất; 2. Trời Vô nhiệt: Đã khéo điều phục, dứt trừ, tạp tu tĩnh lự các phẩm, thượng, trung, ý thích nhu hoà, lìa các nhiệt nã; 3. Trời Thiện hiện: Tạp tu tĩnh lự đã đắc thượng phẩm, quả đức dễ tỏ; 4. Trời Thiện kiến: Tạp tu định, trừ chướng, phẩm cực vi tế, kiến cực trong sáng; 5. Trời Sắc cứu cánh: không còn có xứ, ở trong hữu sắc, có thể vượt qua, gọi là sắc cứu cánh.

“Các Đại Phạm thiên vương”: tiếng Phạm gọi là Phạm ma, tiếng Hoa gọi là Tịch tĩnh, cũng gọi là nghĩa thanh tịnh, thanh khiết, tức bốn tĩnh lự đều được gọi là phạm. Chủ của Đệ tứ thiên, gọi là Đại phạm, nên kinh Đại Bát-nhã quyển năm trăm bảy mươi nói: Chủ thế giới Kham nhẫn là Đại Phạm thiên vương, tức giống với kinh Pháp Hoa nói: Chủ thế giới Ta bà là Phạm thiên vương. Nhưng các đại thiên giới thuộc đệ tứ Thiên, ba tĩnh lự sau đều có Phạm vương. Là tôn quý trong tự địa, cũng được gọi là “đại”. Vì Phạm vương vô lượng, nên nói là các, nhiều. Kinh chỉ nói chung các Đại Phạm vương thuộc bốn tĩnh lự nơi Sắc giới. Các Đại Phạm vương đều đến hết.

“Cũng cùng với quyển thuộc, vô lượng thiên tử đều hội đủ”: là giống như Dục giới đã đến, nên lại nói là “cũng”. Vua đã đến thì thần dân quyển thuộc đều theo đủ. Số đã nhiều nên nói là “vô lượng”. Hóa thân biến độ, nghĩa như thường nói.

Dưới đây là phần chín - Các chúng biến hóa nơi các cõi nghĩa đó như thế nào?

Kinh: Các thú biến hóa có vô lượng hữu tình

Giải thích: “Các thú biến hóa”: Là sáu cõi chẳng phải là một, nên gọi là các. Thú là nơi chốn hưởng đến, vô-phú vô-ký. Biến là chuyển đổi, hóa là hóa hiện.

Hỏi: Chúng biến hóa này, định tên cõi nào?

Đáp: Trong kinh không có nói riêng, chỉ gọi chung là sáu thú. Nhưng thần thông biến hóa như Luận Câu xá quyển hai mươi bảy nói: Có năm loại: 1. Tu đắc; 2. Sinh đắc; 3. Chú đắc; 4. Được đắc; 5. Nghiệp đắc. Cõi trời thì có đủ cả năm loại, cõi người chỉ có bốn thứ, vì không có loại sinh đắc. Cõi quỷ cũng có bốn, không có loại tu đắc. Bàn sinh và địa ngục thì có sinh đắc và nghiệp đắc. Những người có thể dấy khởi thần thông đều đến được.

Hỏi: Nếu vậy, hai thú cõi người và trời như trên đã nói đủ. Tu-la và quỷ, súc như tiếp theo sẽ biện biệt riêng. Biến hóa thì những chúng đó là gì? Trong cõi địa ngục, làm sao biến hóa? Nếu có biến hóa thì có

được nghe kinh không?

Đáp: Đây là quyền, đó là thật, cũng không trái nhau. Kinh Chánh Pháp Niệm nói: Địa ngục căn bản và xứ quyền thuộc, vì lực của nghiệp ác nên có vô số loại biến hóa. Luận Chánh lý, quyển ba mươi mốt nói: Địa ngục Cô độc, cũng có biến hóa, tuy thuần là cõi khổ, nhưng cũng được nghe kinh. Làm sao biết được? Vì như kinh Đại Bát-nhã quyển một nói: “Bấy giờ, đức Thế Tôn không rời khỏi chỗ ngồi mà nhập đấng trì, sư tử du hí hiện lực thần thông, khiến tam thiên đại thiên thế giới này, có đủ sáu loại chấn động. Lúc đó, toàn bộ các cõi địa ngục, bàng sinh quỷ giới và các cõi khác đầy đầy hầm hố nguy hiểm hiện có nơi thế giới này, tất cả hữu tình đều lìa khổ nạn, từ bỏ thân mạng ấy, được sinh trong cõi người và các cõi trời lục dục, đều nhớ được kiếp cũ, hoan hỷ tốt cùng, cùng đến chỗ Phật, dùng tâm ân tịnh cung kính đảnh lễ nơi chân Phật”. Dựa theo đó, thì sáu cõi thú đều đến dự hội. Nếu theo sự giải thích ấy, thì kinh nói “biến hóa” là chung cho hai điều: 1. Là do Như Lai trước khi thuyết giảng kinh, thần lực động địa, đại bi biến hóa thành thực hữu tình; 2. Là nghiệp ác của hữu tình nơi cõi khổ, nhờ oai thần của Phật mà nghiệp lực biến hóa, thoát khổ đắc lạc, đến dự hội nghe kinh.

Dưới đây là phần mười, nói về tám bộ chúng hộ pháp như A-tu-la v.v... nghĩa đó thế nào?

Kinh: A-tu-la v.v... cùng từng ấy quyển thuộc đều hội đủ.

Giải thích: “A-tu-la, v.v...”: là một trong tám bộ chúng hộ pháp Thiên, Long, Dược-xoa, Kiện-đạt-phước, Yết-lộ-đồ, Khẩn-nại-lạc, Mạc-hồ-lạc-già. Vì tám bộ chúng này thường theo Phật. Gọi “A-tu-la” là sai, cách gọi mới là: A-tố-lạc: A: là phi; Tố lạc là thiên. Vì hay đối trá không có hạnh của chư thiên, cho nên gọi là phi thiên. Các luận Phật Địa, Du-già thì cho A-tu-la thuộc về cõi trời. Luận Tạp tâm thì cho thuộc cõi quỷ. Kinh Chánh Pháp Niệm Xứ thì nói A-tu-la thuộc về cõi quỷ, súc sinh. Kinh Gia đà thì cho là thuộc về cả ba cõi: quỷ, súc sanh và trời. A-tu-la La-hầu là con của sư tử, nên thuộc về cõi súc sinh. Kinh Thập Địa nói có năm loại: 1. Loại cực yếu: ở trong nhân gian nơi các hang hốc lớn thuộc chốn rừng sâu, chẳng phải là cung trời. Bên dưới hai vạn một ngàn do tuần của đại hải phía bắc núi Diệu cao, có cung La hầu, tiếng Hoa gọi là Chấp nhật. Tiếp dưới nữa có cung Dũng kiện, rồi lại có cung Hoa man, mỗi một cung cách nhau hai vạn một ngàn do tuần. Thấp nhất thì có cung Tỳ-ma-chất-đa-la cách, gọi mới là Phệ-ma-chất-đát-lợi, Hoa dịch là Ý-la-tận. Cha vợ của trời để thích gọi là Chi

phụ, ở dưới biển lớn, có lúc lại xưng to: “Ta là A-tu-la vương Tỳ-ma-chất-đa”.

“Thiên thần”: Là thân có hào quang, trú ở không cung.

“Long thần”: kinh Chánh pháp niệm xứ nói: có hai loại: 1. Pháp hạnh: rồng là Nan đà v.v...; 2. Phi pháp hạnh: là sắc đen, như thường phân biệt.

“Thần Dược xoa”: Tiếng Hoa gọi là Dũng kiện, còn gọi là Khinh tiệp. Bay trong không trung là thuộc Hư không bộ, đi trên đất là các La sát. Như kinh Khởi Thế nói có ba loại: 1. Ở trên đất; 2. Ở trong không; 3. Ở cõi trời thuộc Dục giới bảo vệ cửa thành. Nói “Dạ xoa” là sai.

“Kiện-đạt-phước”: tiếng Hoa gọi là Tầm hương, là Thần nhạc của chư thiên. Ở trên đất, trong các động núi, khi chư thiên cần nhạc, thân liền có tướng hiện, bèn lên cõi trời. Nói “Càn-thát-bà” là sai.

“Yết-lộ-đồ”: tiếng Hoa gọi là Diệu-sí. Diệu-sí là thần chim. Nói “Ca-lâu-la-kim-sí-điểu” là sai vì màu sắc của lông xen lẫn nhiều màu báu, chứ chẳng phải chỉ có màu vàng ròng.

Dưới đây là phần hai. Nói về chúng biến hóa, trong đó có ba phần: 1. Nói rõ về hiện pháp tòa; 2. Hiện hoa báu; 3. Hiện khắp các nước. Nơi phần một lại có hai phần:

- Tòa được hiện bày, nghĩa đó thế nào?

Kinh: Lại có biến hiện mười phương tịnh độ, hiện ra trăm ức tòa sư tử.

Giải thích: “Lại có biến hiện mười phương tịnh độ”. Biến: là chuyển đổi, chuyển như ướm ẩn giấu, thị hiện ra sạch trong. Thể của độ (cõi) vốn có mà được biến chuyển gọi là Hiện. nghĩa hóa hiện, không mà bỗng dựng thành có. Tòa hoa vốn không có, nên gọi là hóa hiện. Người năng biến (chủ thể) chỉ là Phật, Bồ-tát. Cõi sở biến (đối tượng) là bốn trần tịnh diệu, rộng rãi trang nghiêm khắp mười phương. Tức là Luậ Du-già quyển ba mươi bảy nói bốn loại biến: Thị hiện, chuyển biến việc làm tự tại và năng thí an lạc.

“Tòa Sư tử”: Chỗ Phật ngồi thuyết giảng, gọi là tòa Sư tử.

Dưới đây là phần hai:

- Hiện chủ thể thuyết pháp, nghĩa đó thế nào?

Kinh: Phật ngồi trên đó, rộng tuyên giảng pháp yếu.

Giải thích: Đã hiện tòa pháp “Phật ngồi trên ấy, rộng tuyên giảng pháp yếu”, tức nội dung pháp thuyết, chính là Bát-nhã.

Kinh: Trước mỗi một tòa, đều hiện một hoa. Trăm ức hoa ấy, trang nghiêm bằng nhiều báu.

Giải thích: “Trước mỗi một tòa”: là tòa pháp được hiện do tịnh độ biến ra. Trên tòa có Phật, trước tòa hiện hoa. Số hoa đồng với số tòa pháp cũng là trăm ức.

“Chúng báu trang nghiêm”: Nhiều báu trang nghiêm, thể tức là bốn đại. Trước là hiện ra tòa, sau là hiện ra hoa.

Kinh: Ở trên mỗi mỗi hoa, lại có vô lượng hóa Phật, vô lượng Bồ-tát, bốn chúng tám bộ thấy đều vô lượng.

Giải thích: “Ở trên mỗi mỗi hoa”: trên mỗi mỗi cánh hoa đều có hóa Phật. Phật và các chúng đều vô lượng.

Kinh: Mỗi mỗi vị Phật trong đó đều tuyên thuyết Bát-nhã Ba-la-mật đa.

Giải thích: Hỏi: Những biến hiện đó là Phật Thích Ca hóa ra hay là các Phật khác hóa ra?

Đáp: Cả hai đều không sai. Điềm lành ứng hiện biểu thị về pháp thù thắng có thể cát tường. Lại biểu hiện cho thể của độ (cõi nước), tịnh và uế không hai. Lại biểu thị cho pháp được thuyết giảng, chơn và hóa không hai. Hoặc Đại Bồ-tát trang nghiêm đạo tràng, dẫn thâu khiến vui vẻ hưởng nhập, cho nên hiện hóa.

Kinh: Lần lượt hiện bày khắp hằng hà sa các Phật quốc độ trong mười phương.

Giải thích: Tịnh độ và chư Phật hiện ra lần lượt chuyển khắp mười phương cõi Phật.

Kinh: Các đại chúng vân tập tới như vậy, đều đến lễ nơi chân Phật, lìa ra ngồi qua một bên.

Giải thích: Trước khi sắp thuyết giảng kinh thì phóng quang triệu tập, như trăng sáng mùa thu, làm mờ các ngôi sao, như mặt trời mùa hè, đoạt hết các màu sắc khác. Từ đây trở xuống là Tự phát khởi gồm hai:

1. Tượng lành trước khi nói kinh; 2. Hiện hoa triệu tập chúng.

Phần một gồm ba văn: 1. Hiện các tượng lành; 2. Đại chúng kinh nghi; 3. Trỗi nhạc cúng dường. Trong phần hiện tượng lành lại có bốn tiết:

1. Như lai nhập định là:

Kinh: Bảy giờ, đức Thế Tôn, đầu năm tháng Giêng, ngày mồng tám, nhập Đại Tam-ma-địa vi diệu tịch tĩnh.

Giải thích: “Đầu năm tháng Giêng ngày mồng tám là thời điểm Phật diễn thuyết. Trung Hoa chia làm bốn thời (mùa), mỗi thời có ba tháng. Lịch đời Đường lập tháng Giêng (Chánh nguyệt) là tháng Dần. Các nước ở phương Tây (Ấn độ) có ba mùa, mỗi mùa có bốn tháng. Đầu mùa Đông bắt đầu tháng mười một, giống như xưa lập tháng Tý

làm chánh. Nửa tháng tối trăng là chỉ bắt đầu, nên ngày hai mươi ba tức ngày thứ tám. Lại Kim Quang Minh quyển thứ chín lập làm bốn thời. Như Tây Vực ký quyển hai nói: Từ mười sáu tháng giêng đến rằm tháng tư là ba tháng mùa Xuân. Do đó ngày hai mươi ba tháng Giêng tức là ngày mồng (thứ) tám của tháng đầu năm.

Nhập Đại tịch tĩnh: nhập là chứng nhập. Đại tịch tĩnh tức là thắng định. Nếu theo Luận Phật Địa Ngài Long Quân giải thích thì đại định là một trong ba pháp của Phật.

Hỏi: Phật không có tán tâm, không lúc nào không định, có ghi trong kinh này nói nhập? Đáp: Phật không có tán tâm, nhưng để làm phép tắc của vị thầy nên hiển bày tuệ phải dựa vào định, thị hiện trước nhập vì định tuệ song tu không khuynh động, nên nhập định phóng quang theo đến thuyết pháp, tam nghiệp thị hiện dẫn dắt tức tam mật. Pháp thường của Như lai là tôn kính Bát-nhã, nên sắp diễn thuyết phải thị hiện cung nghi tôn kính.

Diệu tam-ma-địa: Chỉ một mình Phật chứng được, nên xưng là diệu Tam-am-địa, trung Hoa dịch là Đẳng trì. Thế lìa hôn trầm, trạo cử nên gọi là Đẳng. Chuyên chú một cảnh tức gọi là trì. Cũng gọi là Tam-ma-đề. Ở vị nhân thì Đẳng trì thông địa định tán, ở vị quả chỉ có địa định, chỉ là hữu tâm cùng chỉ vô lậu. Nếu nói Đẳng chí thì thông cả hữu, vô tâm. Nếu nói đẳng dẫn tức chỉ hữu tâm. Cả hai đều thông chỉ là định, lậu v.v... Nói Tam-ma-địa là giản lược hai loại sau.

Giải thích: “Các lỗ chân lông nơi thân”: vì muốn thuyết giảng kinh, trước hết phải nhập định, nhằm làm kinh sợ các hàng phàm Thánh mà hiện điềm phóng quang, từ chân Phật cho đến đánh đầu, lỗ chân lông khắp thân đều toả chiếu sáng.

“Chiếu khắp hằng sa Phật độ trong mười phương”: có duyên thì hiện rõ, tức là đối tượng được soi chiếu.

Kinh: Lúc đó, vô lượng chư thiên nơi Dục giới, mưa vô số hoa diệu.

Giải thích: Sáu cõi trời thuộc Dục giới, vô lượng thiên chúng, đều mưa diệu hoa để cúng dường.

Kinh: Chư thiên nơi Sắc giới, cũng mưa Thiên hoa.

Giải thích: Thiên chúng nơi Sắc giới cũng mưa hoa diệu như chư Thiên Dục giới.

Kinh: Nhiều màu xen lẫn, rất đáng yêu thích.

Giải thích: Cả hai cõi đều mưa hoa, hoa có nhiều hình lạ kỳ, nhiều màu nhiều sắc xen kẽ, nên nói là xen lẫn, thích xem không chán nên

nói là yêu thích.

Kinh: Khi ấy, vô Sắc giới mưa các thứ hương hoa, hương như Tu di, hoa như xa luân, như mây hạ xuống, che khắp đại chúng.

Giải thích: “Khi ấy, vô Sắc giới mưa các thứ hương hoa”. Đó là nêu chung.

Nói về nghĩa Vô sắc giới, các tông phái có nhiều ý kiến bất đồng.

- Tông Nhất-thiết-hữu-bộ, Luận Câu-xá tụng nói: Vô sắc là không sắc, sắc khởi sau theo tâm

- Tông Kinh Bộ nói: Hai thứ sắc, tâm nương giữ lẫn nhau.

Cả hai Tông đều chỉ cho là bốn uẩn, không có khổ sở y riêng ở dục Sắc giới.

- Đại chúng Bộ nói: Đủ cả mười tám giới, nhưng có sắc thô mà sắc tế không phải không có sắc thô mà sắc tế không phải không có.

- Luận Chánh lý vừa xác nhận và phủ nhận đầy đủ.

- Kinh Trung Ấn nói: Như lai đến vô sắc giới, chúng sanh Vô sắc lẽ lạy Thế tôn. Kinh bản nghiệp nói: Như lai thuyết pháp, chư Thiên Vô sắc đến vào trong hội: Kinh Hoa Nghiêm nói: Bồ-tát người thấy mùi hương của cung điện Vô sắc giới. Luận Du-già quyển năm mươi bốn nói: Chư thiên sắc giới, Vô sắc giới biến thân vạn ức, cùng dựng đứng cả chân công. Do có những văn này... biết cõi Vô sắc kia không phải không có sắc.

Nếu vậy, thế nào gọi là Vô sắc giới? Đáp: Căn cứ bốn loại sắc khác nhau: Hai loại sắc của quả nghiệp quả thống nhất định là không có. Hai loại sắc của quả định, cảnh định thì chấp nhận là có. Cho nên nói Vô sắc giới có sắc không sắc đều không mâu thuẫn.

Câu “Hương như hoa Tu-di...” là nói hình trạng “Như vậy...” là trạng thái rơi xuống.

Kinh: Khắp thế giới Phật hiện đủ sáu loại chấn động.

Bấy giờ, đại chúng tự hỏi: “Đức Thế Tôn Đại giác, trước đây đã vì chúng ta thuyết giảng vô số vô lượng Bát-nhã Ba-la-mật đa như Ma ha Bát-nhã Ba-la-mật đa, Kim cang Bát-nhã Ba-la-mật đa, Thiên vương vấn Bát-nhã Ba-la-mật đa, Đại phẩm v.v.... Hôm nay, Như Lai phóng đại hào quang, như thế là để làm gì?

“Khắp thế giới Phật? Là như kinh Hoa nghiêm nói: Thế giới kham nhẫn có Phật hiệu Tỳ-lô-giá-na Như lai, tức đại thiên thế giới. Không chỉ từng ấy ánh sáng tức là “Chiếu khắp” động cũng ắt có đủ cả. Vì thế, Kinh đại Bát-nhã nói: Từ đại thiên thế giới này sáu loại chấn động lần

lượt chuyển đến khắp hằng hà sa số thế giới chư Phật ở mười phương. Vì thần lực của Phật đạo thành sáu loại biến động. Vì kia làm chuẩn cho kinh này nên đây nói: Khắp thế giới Phật”.

Sáu loại chấn động tóm lược có ba nghĩa:

Một là Nhân động: Kinh Tăng Nhất A-hàm nói có tám nhân: 1. Do phong luân chuyển từ trên xuống dưới nên động; 2. Bồ-tát nhập thai, xuất gia; 3. Xuất gia thành Chánh giác (Phật); 4. Phật chuyển pháp luân; 5. Đức Phật nhận Niết-bàn; 6. Tỳ-kheo chứng đắc thần thông tâm tự tại; 7. Chư Thiên mạng chung, sinh lại nơi tốt đẹp; 8. Chúng sanh phước hết chuyển đổi lẫn nhau.

Lại Động có lớn nhỏ: động nhỏ như kinh Pháp Hoa nói: Mà thế giới này, sáu loại chấn động. Động lớn như văn thù nói kệ: tất cả cõi Chư Phật, tức thời chấn động lớn. Luận Trí độ quyển mười nói: Là Bồ-tát thì động cõi Diêm-phù-đề, bốn thiên hạ, trung thiên, đại thiên thế giới. Là Phật Thế tôn thì động vô lượng.

Hai là Tướng động: Như kinh Hoa Nghiêm nói: Đó là các tướng Chấn, Động, Dũng, Vận, Hống và kích. Bắt đầu nhỏ là chấn (rung) dần dần lớn là Động; chuyển trên xuống dưới và ngược lại là Dũng; chuyển qua lại tới lui là vận; tiếng kêu lớn là Hống; như trống rền vang là kích.

Kinh Đại Bát-nhã nói: Động là dao động, Dũng là chìm nổi, Chấn là thanh rung rung, kích như đánh thành tiếng, Hống tức phát âm vang, Bao tức tiếng thất kinh.

Sáu loại chấn động trên, mỗi thứ có ba hạng, hợp thành mười tám. Nghĩa là ví như động nhỏ, biến động các xứ, và khuynh động lớn khắp. Năm loại còn lại theo đây mà biết.

Lại kinh Đại Bát-nhã quyển đầu, kinh Hoa Nghiêm quyển ba mươi đều nói: Động vọt lên, Tây chìm xuống, tây vọt lên, Động chìm xuống, nam, bắc, chính giữa, bên cạnh cũng như vậy. Cho nên, sáu loại chấn động cũng có thể hiểu như đây.

Ba là Ý động: Như Luận Thập Địa quyển mười hai nói: Dựa theo bốn loại chúng sanh: 1. chúng sanh bất thiện, không nhận thức vô thường, buông tâm phóng dăng. Nhân đó đất động, nhằm cảnh tỉnh họ tu thiện; 2. Chúng sanh sinh thiên tin hiện báo cõi Trời, nên đất chuyển động ngã nghiêng khiến sinh tâm chán, bỏ mà cầu pháp; 3. Chúng sanh ngã mạn, thường khởi các loại ngã mạn cao như núi, nên đất động khiến cho biết lẽ vô thường đừng kiêu mạn nữa; 4. Chúng sanh hành chú thuật thiếu năng lực, đất động liền sinh cao ngạo, do đó đất chấn động mạnh

khiến cho biết mình còn yếu kém.

Lại như Kinh Luận Thắng Tư Duy Phạm Thiên nói có bảy nguyên do làm đất chấn động: 1. Muốn cho các Ma sinh tâm hoảng sợ; 2. Muốn cho chúng sanh đương thời, tâm không phân tán; 3. Muốn cho người phóng dật sinh tâm giác ngộ; 4. Muốn cho chúng sanh nhớ nghĩ pháp tướng; 5. Muốn cho chúng sanh quán sát xứ, thuyết; 6. Muốn cho đảo điên sinh tâm hiểu rõ. Vì thế cho nên chấn động.

“Ma Ha” là Đại, nghĩa là Đại Bát-nhã. Kim cang Bát-nhã, tức là hội thứ chín. Thiên vương vấn Bát-nhã là hội thứ sáu. Đại phẩm là hội thứ hai, có một vạn tám ngàn tụng Ba-la-mật-đa.

Nghĩa là: trước đây thuyết về Bát-nhã đều có điềm lành tướng, nay thì sinh nghi; lại có tướng như thế là nhằm hiện bày sự gì?

Kinh: Lúc này, Vua Ba-tư-nặc chủ nước Thất-la-phiệt, suy nghĩ như vậy: “Nay Phật hiện tướng hiếm có ấy, ắt sẽ mưa pháp xuống, khắp chốn đều lợi lạc”.

Giải thích: “Thất la phiệt” là lược bớt, nêu đầy đủ phải là “Thất-la-phiệt-tất-đế”. Tiếng Hoa gọi là Phong đức.

1. Đủ tài sản châu báu.
2. Cảnh diệu dục.
3. Nhiều bậc đa văn.
4. Nhiều bậc giải thoát.

“Thất-la-phiệt” này là kinh đô của nước Kiêu-tát-la ở Trung Ấn Độ. Theo sách Tây vực ký thì có hai Kiêu-tát-la, lược bớt nước ở phía nam mà nêu cả hai.

“Vua Ba-tư-nặc”: Như kinh Ương-quật-ma-la nói: Ba-tư-nặc, Tiếng Hoa gọi là Hòa duyệt. Vua thấy điềm lành, mới nghĩ: Nay Phật hiện tướng hy hữu đó, ắt sẽ thuyết giảng đại pháp, mưa đại pháp vũ. Các vua chúng ta làm thế nào để hộ quốc? Như Lai đại bi luôn làm lợi lạc khắp. Hưng khởi của cả bộ kinh là do đây vậy. Từ đây là phần ba. Hỏi các chúng hội.

Kinh: Liền hỏi các Ưu-bà-tắc Bảo Cái, vô Cấu Xứng... các đại Thanh văn: Xá-lợi-phất, Tu bồ-đề... Các Bồ-tát Ma-ha-tát: Di lạc, Sư Tử Hống...: Như Lai đang hiện bày là tướng của điềm lành gì?

Giải thích: “Bảo Cái” là Trưởng giả Bảo Tích, cầm lọng tự che hoặc do phụng cúng cho Phật, nên gọi là Bảo cái.

“Vô Cấu Xứng” tức là Trưởng giả Tịnh Danh (Duy-ma Cát).

“Xá-lợi-phất”: Nói đủ thì phải là “Xá-lợi-phất đa-la”. “Xá lợi” là tên của một loài chim. “Phất” là con trai. Mắt của mẹ Tôn giả như mắt

của chim Thu lộ, hình tướng viên tịnh, âm thanh dễ nghe, nhân ở mẹ mà được gọi là Xá-lợi-phất. Tu-bồ-đề, Hoa dịch là không sanh. Hoặc gọi là Thiệt Cát, Thiện Hiện.

“Di lạc”: Tiếng Hoa dịch là Từ, hay tu hạnh từ, lại cũng là họ.

“Sư tử hồng”: tiếng Phạm là Tăng-già-na-na, Tiếng Hoa gọi là Sư-tử-hồng.

Hỏi khắp những vị như trên.

Kinh: Thời các đại chúng, không ai có thể đáp được.

Giải thích: “Không ai có thể đáp được” vì pháp quá sâu xa, không ai có thể biết được.

Kinh: Vua Ba-tư-nặc... nhờ thần lực Phật, trở âm nhạc khắp.

Giải thích: Như Lai trụ nơi định, không hợp với sự ồn ào. Vua Ba-tư-nặc và các hội chúng nhờ thần lực Phật mà trở âm nhạc.

Dưới đây là phần hai - Chư thiên trở nhạc.

Kinh: Chư thiên nơi Dục giới, đều tấu vô lượng âm nhạc cõi trời.

Giải thích: Âm nhạc của chư thiên, không cần gõ tấu cũng tự kêu vang. Nay nói về cõi dục, sắc trở thiên nhạc.

Kinh: Âm thanh vang khắp Tam thiên đại thiên thế giới.

Giải thích: “Tam thiên đại thiên”: như thường đã rõ.

Đoạn văn lớn thứ hai: Hiện hoa chiêu tập đại chúng, văn chia làm ba phần:

1. Phóng vô lượng quang.
2. Hiện vô số hoa.
3. Chiêu tập chúng phương khác.

Dưới đây là phần một - Phóng vô lượng quang.

Kinh: Bấy giờ, đức Thế Tôn lại phóng ra vô lượng A-tăng-kỳ hào quang, ánh sáng đủ màu sắc.

Giải thích: Phóng quang ở đoạn văn trước không nói về con số. Nay ở đây nói: “Lại phóng ra vô lượng A-tăng-kỳ”, là nói rõ nhiều màu sắc. Trước là lý, sau là sự, biểu thị cho hai trí.

Tiếp đến là phần hai - Hiện vô số hoa, văn chia làm hai: đây là phần một - Hiện vô số hoa.

Kinh: Trong mỗi mỗi hào quang, hiện ra hoa sen báu. Hoa có ngàn cánh đều màu vàng ròng.

Giải thích: “Trong mỗi mỗi hào quang”: Hào quang phóng ra, số đã là vô lượng, nên hoa hiện ra trong hào quang cũng là vô lượng.

Dưới đây là phần hai - hóa Phật tuyên thuyết pháp yếu.

Kinh: Trên có hóa Phật, tuyên thuyết pháp yếu.

Giải thích: Văn đã rõ.

Kinh: Hào quang của Phật ấy trùm khắp hằng hà sa quốc độ chư Phật trong mười phương, có duyên thì thấy.

Giải thích: “Có duyên thì thấy”: Là hiện lực đại bi, chiếu khắp mười phương. Người nghiệp chướng nặng, không có duyên, tuy gần cũng không thấy. Người không có chướng ngại, duyên chín muồi, dù xa cũng đến, nên nói: Hằng hà sa, có duyên thì hiện.

Tiếp đến là phần hai - Kể danh hiệu các Bồ-tát - văn có năm đối:

1. Đối chiếu khắp không nhiễm.

Kinh: Trong cõi Phật địa phương đó, phương Đông là Bồ-tát Ma-ha-tát Phổ Quang, phương Đông nam Bồ-tát Ma-ha-tát Liên Hoa Thủ.

Giải thích: Mười vị Đại Bồ-tát này, vạn hạnh đều tu, dựa theo tên gọi mà làm rõ về hạnh thù thắng.

“Bồ-tát Đại Phổ Quang”: là như hào quang chiếu khắp, không kể cao hay thấp, Bồ-tát cứu giúp làm lợi cho hữu tình, không kể oán hay là thân.

“Bồ-tát Liên Hoa Thủ”: là nhiều hạnh như hoa sen không nhiễm trần cấu.

Dưới đây là phần hai - đối Hoan hỷ phá chọn.

Kinh: Phương Nam là Bồ-tát Ma-ha-tát Ly Ưu. Phương Tây nam là Bồ-tát Ma-ha-tát Quang Minh.

Giải thích: “Bồ-tát Ly Ưu”: là thuyết giảng không phân biệt, tự và tha đều vô ưu, hoặc tùy văn, kiến đều vô ưu.

“Bồ-tát Quang minh”: là trí, bi khởi lên đều có thể phá trừ tối tăm.

Dưới đây là phần ba - đối Chẳng trụ tối thắng.

Kinh: Phương Tây là Bồ-tát Ma-ha-tát hành Tuệ, phương Tây bắc là Bồ-tát Ma-ha-tát Bảo Thắng.

Giải thích: “Bồ-tát hành Tuệ”: là trong hai lợi hạnh khởi khả năng hành bi tuệ, không chấp trụ.

“Bồ-tát Bảo Thắng”: là hai thứ báu tài và pháp ban cho không bao giờ cạn.

Dưới đây là phần bốn: đối Thắng Thọ - Ly Trần.

Kinh: Phương Bắc là Bồ-tát Ma-ha-tát Thắng Thọ, phương Đông bắc là Bồ-tát Ma-ha-tát Ly Trần.

Giải thích: “Bồ-tát Thắng Thọ”: là có thể đem đến sự an lạc cho chúng sanh thọ hành, niệm xả bình đẳng.

“Bồ-tát Ly Trần”: là trí thường chiếu như, hành lìa trần nhiễm.

Dưới đây là phần năm - đối Thường hỷ - thanh tịnh

Kinh: Phương trên là Bồ-tát Ma-ha-tát Hỷ Thọ. Phương dưới là Bồ-tát Ma-ha-tát Liên Hoa Thắng.

Giải thích: Hai Bồ-tát thường đắc hỷ thọ và thanh tịnh như hoa sen.

Kế tiếp là phần ba - Nói rõ quyển thuộc của họ

Kinh: Điều cùng với vô lượng trăm ngàn câu chi Bồ-tát Ma-ha-tát, đều đến nơi này.

Giải thích: Mười phương Bồ-tát, mỗi phương đều có vô lượng trăm ngàn câu chi Bồ-tát đều vân tập đến đây.

Tiếp theo là phần bốn - Điều hiến hương hoa.

Kinh: Mang nhiều loại hương, rải nhiều loại hoa, tác vô lượng âm nhạc để cúng dường Như Lai.

Giải thích: Như văn đã rõ, dưới đây là phần kết làm rõ việc lui ra ngồi qua một bên.

Kinh: Đánh lễ nơi chân Phật, im lặng lui ra ngồi về vị trí mình, chấp tay cung kính, nhất tâm quán Phật.

Giải thích: Đánh lễ chấp tay, là thân nghiệp cung kính. Nhất tâm quán Phật, là ý nghiệp cung kính, im lặng lui ngồi, chỉ mong đợi mưa pháp.
